

Số: 130/2024/QĐST- HNGĐ

Cao Bằng, ngày 18 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số **133/2024/TLST- HNGĐ** ngày 22 tháng 10 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: **Phùng Phạm N** – Sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Tổ G, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn*: **Triệu Thị N1** – Sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Tổ G, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Phùng Phạm N – Sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Tổ G, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Và bà Triệu Thị N1 – Sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Tổ G, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Phùng Phạm N và bà Triệu Thị N1.

- **Về con chung:** Các đương sự tự nguyện thỏa thuận giao 02 con chung tên: Phùng Tú A, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2020 (Giới tính: Nam) và Phùng Thanh T, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2020 (Giới tính: Nam) cho ông Phùng Phạm Nghĩa L người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Hàng tháng bà N1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.500.000 đ/tháng/con (3.000.000 đ/tháng/02 con), thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng kể từ tháng 12/2024 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- **Về tài sản chung:** Hai bên đương sự xác nhận trong quá trình chung sống không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Hai bên đương sự xác nhận trong quá trình chung sống không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Ông Phùng Phạm N và bà Triệu Thị N1 mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) án phí dân sự về việc thuận tình ly hôn. Ngoài ra bà N1 còn phải chịu tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000đ. Ông N tự nguyện nộp thay cho bà N1 toàn bộ tiền án phí. Tổng cộng ông N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình để sung quỹ Nhà nước nhưng được tính trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0001106 ngày 22/10/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cao Bằng, Cao Bằng. Xác nhận ông N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cao Bằng;
- VKSND TP. Cao Bằng;
- CC THADS TP. Cao Bằng;
- UBND phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu án văn
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hiền

